TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN C** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 47/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 10/5/2018
V/v: "*Không công nhận quan hệ vợ chồng*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH LONG AN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thiện Tâm.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Võ Minh Quang.
2. Ông Nguyễn Văn Hùng.

***Thư ký phiên tòa*:** Bà Võ Thị Lệ Trinh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Long An.

Ngày 10 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Long An, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số: 146/2018/TLST-HNGĐ, ngày 16/4/2018 về "Yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 47/2018/QĐXXST-HNGĐ, ngày 24/4/2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh **Huỳnh Văn T**, sinh năm: 1966 (Có mặt).

Bị đơn: Chị **Trần Thị L**, sinh năm: 1967 (Vắng mặt).

Các đương sự cùng nơi cư trú: Ấp 3, xã P, huyện C, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng cũng như tại phiên toà sơ thẩm nguyên đơn anh Huỳnh Văn T trình bày như sau: Anh T với chị Trần Thị L xác lập quan hệ vợ chồng từ năm 1991, mặc dù có đủ điều kiện để đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, nhưng cho đến nay vẫn không thực hiện. Quá trình chung sống giữa hai anh chị có hạnh phúc được một thời gian dài về sau này mới phát sinh mâu thuẫn tình cảm và ly thân từ 3/2017 cho đến nay. Nguyên nhân, do tính chất đặc thù của việc làm đôi khi anh T đi làm về muộn, thì bị chị L không cho vào nhà để ngủ nghỉ và nhiều lần như thế dẫn đến anh chị có lời qua tiếng lại với nhau làm cho tình cảm mâu thuẫn, anh T bỏ về bên nhà cha mẹ ruột sinh sống. Anh T xét thấy không còn tình cảm với chị L, nên không thể hàn gắn để tiếp tục chung

sống với nhau. Anh T yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận giữa anh với chị L là vợ chồng.

Về con chung: Giữa anh T với chị L có 03 người con chung gồm: Huỳnh Minh N, sinh ngày 02/02/1993, Huỳnh Thị Tuyết G, sinh ngày 12/11/1997 (đều đã trưởng thành) và Huỳnh Thị Thu O, sinh ngày 28/7/2002. Từ lúc anh T và chị L xa nhau, cháu O do chị L nuôi dưỡng. Do đó, nếu được Tòa án giải quyết không công nhận anh T với chị L là vợ chồng thì anh T đồng ý để chị L tiếp tục nuôi cháu O, anh T không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về chia tài sản: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ: Không có nợ chung.

Bị đơn chị Trần Thị L trình bày lời khai trong quá trình giải quyết vụ án của Tòa án như sau: Thống nhất với phần trình bày của anh T về thời gian xác lập quan hệ vợ chồng, không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, thời gian ly thân, con chung, nợ chung không có; về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nguyên nhân mâu thuẫn tình cảm giữa anh T với chị L, do chị L nghi ngờ anh T không còn chung thuỷ với chị L. Mặc dù, giữa chị L với anh T ly thân đã lâu nhưng tình cảm của chị L đối với anh T vẫn còn, nên chị L không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của anh T.

Về nuôi con chung: Nếu Toà án giải quyết không công nhận anh T với chị L là vợ chồng, thì chị L yêu cầu được tiếp tục nuôi người con chung tên Huỳnh Thị Thu O, sinh ngày 28/7/2002; chị L không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Căn cứ vào nơi cư trú và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn, xét vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Long An, được pháp luật quy định tại các Điều 28, 35, 36 và 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Chị Trần Thị L có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vụ án vắng mặt là phù hợp với quy định của pháp luật tại khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự nên được chấp nhận.

[3] Về nội dung tranh chấp: Xét thấy, anh Huỳnh Văn T với chị Trần Thị L chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1991, mặc dù có đủ điều kiện đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nhưng hai anh chị không thực hiện là trái với quy định của pháp luật về Hôn nhân và Gia đình; Quá trình chung sống giữa hai anh chị có hạnh phúc được một thời gian dài về sau này mới phát sinh mâu thuẫn tình cảm. Về nguyên nhân mâu thuẫn theo hai anh chị trình bày thì đây chỉ là những mâu thuẫn nhỏ trong đời sống vợ chồng, nhưng cả hai anh chị không tìm được biện pháp để khắc phục dẫn đến ly thân từ tháng 3 năm 2017 cho đến nay, anh T yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận giữa anh với chị L là vợ chồng. Căn cứ vào

khoản 1 Điều 14 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh T.

[4] Về nuôi con chung: Giữa anh T với chị L có 03 người con chung gồm: Huỳnh Minh N, sinh ngày 02/02/1993 và Huỳnh Thị Tuyết G, sinh ngày 12/11/1997 (đều đã trưởng thành), Huỳnh Thị Thu O, sinh ngày 28/7/2002 đang do chị L nuôi dưỡng. Trong quá trình giải quyết tại Tòa án, chị L và anh T thỏa thuận về người trực tiếp nuôi cháu O là chị L. Xét, nguyện vọng nuôi con chung của chị L là phù hợp với nguyện vọng của cháu O và phù hợp với quy định của pháp luật tại các Điều 14, 15, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, nên ghi nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Trần Thị L không yêu cầu nên, không xem xét.

Bên không trực tiếp nuôi con chung được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định của pháp luật.

[5] Về chia tài sản: Anh T và chị L đều xác định không tranh chấp tài sản chung, nên không đề cập.

[6] Về nợ chung: Anh T và chị L đều xác định không có nợ chung, nên không đề cập.

[7] Về án phí: Căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và L phí Tòa án. Anh Huỳnh Văn T phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 28, 35, 36, 39, 147, khoản 1 Điều 227 và 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Căn cứ vào các Điều 14, 15, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Huỳnh Văn T đối với bị đơn chị Trần Thị L.

1. Về hôn nhân: Anh Huỳnh Văn T với chị Trần Thị L không phải là vợ chồng.

2. Về nuôi con chung: Giao cho chị Trần Thị L được quyền tiếp tục nuôi người con chung Huỳnh Thị Thu O, sinh ngày 28/7/2002. Anh Huỳnh Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Bên không trực tiếp nuôi con chung, được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản. Vì lợi ích của con chung, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên đương sự, Toà án có thể thay đổi người nuôi dưỡng cũng như mức cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó

3. Về án phí: Anh Huỳnh Văn T phải nộp 300.000 đồng án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm. Chuyển số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu số 0000930 ngày 12/4/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C do anh Huỳnh Văn T đã nộp sang án phí để sung công quỹ Nhà nước.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; Vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc Tòa án niêm yết hợp lệ bản án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND Tỉnh Long An;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Đương sự;
- Lưu./.

Nguyễn Thiện Tâm